

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học
của Trường Đại học Vinh

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 06 chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Vinh. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Vinh đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học của Trường Đại học Vinh sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Vinh cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình đại học ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Vinh theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Vinh;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học
của Trường Đại học Vinh**

*(Kèm theo Nghị quyết số 179/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100			
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4						
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	4						
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4						
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100			
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4						
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4						
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5						
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		3,80	4	80			
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4						
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3						
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4						
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	4						
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4						
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	5						
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4						
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100	Tiêu chí 10.4	4						
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,00	4	80			
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4						
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	5						
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	3						
		Tiêu chí 11.5	4									
Mức trung bình		Số tiêu chí đạt			Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)							
3,98		46			92							



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học của Trường Đại học Vinh

(Kèm theo Nghị quyết số 179/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non (GDMN) của Trường Đại học Vinh, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDTH cơ bản được xác định rõ ràng cho 3 lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDTH được thực hiện theo kế hoạch và hướng dẫn chi tiết của Nhà trường; có sự tham gia của các bên liên quan và cơ bản phản ánh được một số yêu cầu của các bên liên quan. Các ý kiến góp ý của các bên liên quan trong quá trình xây dựng được tiếp thu; tổng hợp và phân tích, điều chỉnh theo kế hoạch của Nhà trường và được công bố công khai bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần ngành GDTH được xây dựng theo quy định của Nhà trường, được định kỳ rà soát, được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh, được thông báo đến từng tài khoản của sinh viên trên hệ thống Elearning và đến các bên liên quan khác. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng thống nhất theo mẫu của Trường Đại học Vinh ban hành với đầy đủ thông tin cần thiết; được định kỳ rà soát theo kế hoạch của Nhà trường; quá trình rà soát có triển khai lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT có chuẩn đầu ra được thể hiện rõ ràng hơn, phân thành các nhóm/lĩnh vực kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm trong 4 trụ cột theo hướng tiếp cận CDIO.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên có sự đa dạng, phù hợp với mục tiêu của các học phần; nội dung các học phần có sự tương thích về nội dung giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra, đặc biệt là đạt năng lực chuyên môn và năng lực thực hành giảng dạy sư phạm. Các môn học thể hiện sự logic của chương trình dạy học, với các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương, Khối kiến thức chuyên nghiệp và chuyên ngành được bố trí phù hợp; có tính kết nối giữa các môn. chương trình dạy học có sự đa dạng về hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá làm gia tăng mức độ hiệu quả của quá trình đào tạo.

4. Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được xác định, ban hành đầy đủ và truyền thông rộng rãi cho các bên liên quan và được cụ thể

hóa trong các hoạt động dạy và học của chương trình dạy học. Các phương pháp giảng dạy đa dạng, được thiết kế phù hợp, phục vụ các hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của sinh viên giúp sinh viên tự rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT GDTH được các nhà sử dụng lao động đánh giá cao ở tính năng động, sáng tạo và nhạy bén, có khả năng tự học, tự tích lũy kiến thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu và năng lực sư phạm tốt.

5. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học, được xây dựng, ban hành, được công bố công khai trên website của Trường/Khoa và được giảng viên phổ biến trực tiếp cho người học trong thời gian học tập. Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố rõ ràng, dễ tra cứu. Các quy trình khiếu nại kết quả học tập được quy định rõ ràng, công khai tới sinh viên qua nhiều kênh và được thực hiện chuẩn chỉnh. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. Trong chu kỳ đánh giá, không ghi nhận các trường hợp xin phúc khảo bài thi.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Nhà trường được quy hoạch và phát triển đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Số giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 51,2%. Khối lượng công việc đối với giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo hệ số lương và được giảm định mức giờ chuẩn đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo kiêm công tác quản lý. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các tiêu chí cụ thể. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực của giảng viên được thực hiện theo nhu cầu của Khoa, theo kế hoạch hằng năm của Nhà trường, kết quả trong chu kỳ đánh giá, 100% giảng viên của CTĐT ngành GDTH được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Trường có chiến lược nghiên cứu khoa học, có quy định cụ thể về loại hình, định mức nghiên cứu khoa học của giảng viên, có phần mềm kê khai khối lượng công việc để quản lý giờ nghiên cứu khoa học do phòng Tổ chức Cán bộ quản lý và cá nhân giảng viên có thể tự cập nhật thông tin theo tháng. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên thực hiện CTĐT ngành GDTH trình độ đại học thực hiện được 05 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 05 đề tài khoa học cấp trường, đã công bố được 27 bài trên tạp chí WoS/Scopus, 55 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước, 18 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước, 04 giáo trình, 03 sách chuyên khảo, 19 tài liệu tham khảo/tài liệu hướng dẫn

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển Trường và Đề án vị trí việc làm được phê duyệt. Đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên với các tiêu chí rõ ràng, được phổ biến tới cán bộ và được công khai bằng nhiều hình thức. Hoạt động đánh giá, xếp hạng chất lượng viên chức, người lao động được quy định cụ thể, được triển khai đánh giá. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được quy định. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hàng năm và triển khai thực hiện đạt kết quả. Hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả công việc thông qua đánh giá hàng tháng, hàng năm, đánh giá xếp hạng viên chức, người lao động thông qua cổng thông tin cán bộ, đảm bảo sự hài lòng của đội ngũ cán bộ.

8. Chính sách, tiêu chí, phương pháp và quy định tuyển sinh ThS được xác định rõ ràng, đúng quy định, được công bố công khai thông qua đề án và thông báo tuyển sinh hàng năm. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được cập nhật, được rà soát, đánh giá, trên cơ sở phản hồi của Hội đồng tuyển sinh ThS và phòng/Khoa liên quan. Hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được quy định cụ thể, có đơn vị, cá nhân thực hiện. Các hoạt động hỗ trợ rất đa dạng và hỗ trợ tìm nơi thực tập, thực hiện đề tài luận văn. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho người học và các bên liên quan.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có trang thiết bị (hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) và có tỉ lệ diện tích/ người học là 3,1m²/ người học, đáp ứng quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT. Thư viện được thiết kế có không gian mở, yên tĩnh có không gian đọc dành cho cán bộ, giảng viên và cho người học. Thư viện, phòng đọc có nội quy, hướng dẫn. Trường có thư viện số dùng chung, liên kết tài nguyên thông tin với một số trường đại học khác. Hệ thống phòng thực hành được nhà trường đầu tư, trang bị các thiết bị đặc thù đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Các phòng thực hành được bảo trì, nâng cấp định kỳ, đồng thời bố trí cán bộ phụ trách nhằm hỗ trợ tốt cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin bao gồm hệ thống phần cứng, phần mềm, mạng Internet và trang thông tin điện tử phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống được sửa chữa, bảo trì và cập nhật. Trường có môi trường xanh, sạch, đẹp; có tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được ban hành, rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá; Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học được thực hiện. Giảng viên của Khoa có một số đề tài nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào cải tiến CTĐT cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các các bên liên quan.

11. Nhà trường đã xây dựng được hệ thống quản lý và giám sát kết quả người học toàn diện, bài bản với sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị chức năng. Về tỉ lệ thôi học và tốt nghiệp, chương trình đã thiết lập cơ chế quản lý học vụ chặt chẽ thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, với tỷ lệ tốt nghiệp cao và ổn định đạt 100% ở khóa 61, trong khi tỷ lệ thôi học giảm đáng kể từ 8,06% xuống 0% qua các khóa, phản ánh hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ sinh viên. Hệ thống giám sát nhiều cấp độ với sự tham gia của trợ lý đào tạo, cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm đã giúp nhận diện và xử lý kịp thời các nguyên nhân gây

thời học. Về thời gian tốt nghiệp, chương trình duy trì thời gian tốt nghiệp trung bình ổn định ở mức 4 năm qua các khóa từ 57 đến 61, với các biện pháp hỗ trợ đa dạng như tăng cường hướng dẫn luận văn, tư vấn đạt chứng chỉ ngoại ngữ, và hệ thống cảnh báo sớm đến sinh viên và phụ huynh. Đặc biệt ấn tượng là tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp của ngành GDTH luôn duy trì ở mức cao từ 81,81% đến 91,79% trong giai đoạn 2020-2023. Nhà trường đã xây dựng quy trình khảo sát việc làm chuyên nghiệp, thu thập thông tin của gần 100% sinh viên sau tốt nghiệp, đồng thời triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ như tổ chức ngày hội việc làm, ký kết hợp tác với doanh nghiệp lớn, và thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên. Về hoạt động nghiên cứu khoa học, chương trình đã xác định rõ ràng các loại hình nghiên cứu khoa học của sinh viên và thiết lập hệ thống giám sát chặt chẽ từ khâu đăng ký đến nghiệm thu với sự tham gia của nhiều đơn vị chức năng, các đề tài nghiên cứu hướng đến các vấn đề thời sự phù hợp với xu thế phát triển giáo dục. Cuối cùng, về mức độ hài lòng của các hoạt động bảo đảm chất lượng, nhà trường đã xây dựng hệ thống khảo sát toàn diện với Trung tâm Bảo đảm chất lượng làm đầu mối, thu thập ý kiến từ tất cả các bảo đảm chất lượng về mọi lĩnh vực hoạt động, với kết quả hài lòng đạt trên 80% và có xu hướng cải thiện qua các năm 2022-2025, đồng thời kết quả khảo sát được sử dụng làm căn cứ để cải tiến chất lượng một cách kịp thời và hiệu quả.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Quan tâm và có biện pháp tăng tính hiệu quả của việc khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành GDTH. Quá trình khảo sát nhu cầu, cần đa dạng hóa các đối tượng cơ quan, doanh nghiệp được khảo sát, đảm bảo có yếu tố giáo dục quốc tế trong đối sánh, để đảm bảo xác định rõ hướng đi đáp ứng mong đợi của các nhà sử dụng lao động ngành GDTH; mở rộng đối tượng khảo sát các bên liên quan về chuẩn đầu ra của CTĐT một cách có hiệu quả khi rà soát và ban hành CTĐT lần sau; quan tâm, tiếp thu và phân tích sâu các ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng về mục tiêu của CTĐT nhằm đảm bảo tính cập nhật và phù hợp của Mục tiêu của giáo dục đại học, Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường Đại học Vinh. Các chuẩn đầu ra của CTĐT cần được rà soát, diễn đạt một cách cô đọng, diễn đạt đơn nghĩa, có thể đo lường để nó thực sự đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội.

2. Nghiên cứu, có giải pháp hướng dẫn hiệu quả hơn đối với việc hướng dẫn tự học, giới thiệu thêm tài liệu tham khảo, đánh giá mức độ tự học của sinh viên; tiếp tục được rà soát và cải tiến hoạt động tập huấn, hướng dẫn cách rà soát CTĐT, viết chuẩn đầu ra, mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần đảm bảo hiệu quả thu được khi rà soát, điều chỉnh CTĐT những lần tiếp theo; tiếp tục được rà soát và hoàn thiện việc thiết lập các phân nhiệm, ma trận chuẩn đầu ra của học

phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; đánh giá tổng kết các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đánh giá chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của cả CTĐT; theo dõi, thống kê khả năng/mức độ tiếp cận thông tin về CTĐT, đề cương chi tiết học phần của các bên liên quan đảm bảo các bên liên quan được tiếp cận đầy đủ, thuận lợi các tài liệu này, và có sự nghiên cứu kỹ khi phản hồi thông tin cho Nhà trường.

3. Trình bày cụ thể chuẩn đầu ra của Khóa luận tốt nghiệp trong mối tương quan với chuẩn đầu ra của CTĐT; bố trí một số chuyên đề tốt nghiệp thay thế cho khóa luận (nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký chuyên đề thì phải tính đến mức độ tương quan với khóa luận tốt nghiệp); rà soát mức độ liên kết trong ma trận giữa các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như trong ma trận giữa chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; tiếp thu đầy đủ và có hiệu quả việc lấy ý kiến sinh viên cuối mỗi học phần, cũng như các nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá của các CTĐT khác để làm cơ sở cải tiến chương trình dạy học của mình.

4. Đa dạng các hình thức phổ biến cập nhật Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan; đặc biệt là các trường tiểu học, các nhà sử dụng lao động nhằm thu hút được sự quan tâm hơn của xã hội, phục vụ cho việc tuyển sinh, đánh giá nhu cầu vị trí việc làm của ngành GDTH trong xã hội (không những chỉ phục vụ trong ngành giáo dục mà còn cho một số lĩnh vực khác có liên quan đến lĩnh vực giáo dục); tăng cường tìm kiếm, giới thiệu các giáo trình phục vụ việc dạy học và quá trình tự học; đảm bảo hoạt động tự nghiên cứu, tự học của sinh viên được hướng dẫn và giám sát cụ thể nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời; quan tâm, cập nhật, ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động dạy học có ứng dụng CNTT để đảm bảo tính linh hoạt của chương trình dạy học.

5. Quán triệt chuyển tải đầy đủ nội dung các văn bản liên quan đến công tác thi, đánh giá kết quả học tập đến sinh viên; xây dựng các hướng dẫn thiết kế các công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu của từng học phần; quan tâm đến độ phủ các nội dung giảng dạy (ma trận câu hỏi thi là cần thiết phải có, thể hiện sự phù hợp với các nội dung được giảng dạy) trong quá trình phản biện, duyệt đề thi cần quan tâm đến độ phủ các nội dung giảng dạy, phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của từng học phần, đảm bảo các câu hỏi thi tương ứng với mức độ đạt được các chuẩn đầu ra; thực hiện khảo sát ý kiến các sinh viên về nội dung đề thi, kết quả thi kết thúc học phần cũng như các đánh giá kết quả học tập thường xuyên.

6. Xây dựng dự báo đội ngũ giảng viên theo từng ngành đào tạo trong Chiến lược phát triển Trường làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng và tăng tỷ lệ giảng viên có học hàm, học vị GS/PGS đáp ứng mục tiêu của Trường; quan tâm đến tỷ lệ giảng viên/người học đảm bảo đúng quy định; bổ sung quy định về phục vụ cộng đồng vào chế độ làm việc đối với giảng viên cho rõ hơn; xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao và mở rộng kênh truyền thông đảm bảo thuận lợi trong việc tuyển dụng; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) trên cơ sở có văn bản quy định việc đánh giá năng lực cho giảng viên; thúc đẩy việc

đăng ký đề tài Nafosted, hợp tác quốc tế và đăng ký sở hữu trí tuệ; phát triển và hoàn chỉnh phần mềm tổng thể quản lý cơ sở dữ liệu cho giảng viên bao gồm cả kế hoạch cá nhân về đào tạo, bồi dưỡng, theo dõi, giám sát đầy đủ việc thực hiện công việc của giảng viên.

7. Cụ thể hoá về định hướng và định lượng trong quy hoạch đội ngũ nhân viên theo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cùng các dự báo nhu cầu trong dài hạn ngoài việc thực hiện hàng năm như hiện tại; cần thiết lập công cụ và quy trình phân tích (dựa trên số liệu thống kê, dự báo xu hướng đào tạo, quy mô sinh viên) để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường; rà soát, đánh giá vị trí việc làm trong đề án dựa trên quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng làm căn cứ điều chỉnh số lượng nhân viên trong các bộ phận cho phù hợp và phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ theo từng giai đoạn; cần định kỳ rà soát và cập nhật khung năng lực theo Đề án vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển; bổ sung các tiêu chí liên quan đến năng lực số, khả năng ứng dụng công nghệ và thích ứng với đổi mới trong môi trường làm việc hiện đại vào tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự; sớm ban hành quy định đánh giá khung năng lực (KPIs) các vị trí chuyên viên đặc thù với các tiêu chí cụ thể; cần xây dựng công cụ hỗ trợ chuyên nghiệp hơn trong việc đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên và người lao động trên cơ sở xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn trên cơ sở năng lực cần có của từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đáp ứng với mục tiêu chiến lược và sứ mạng của Nhà trường; tổ chức lấy ý kiến giảng viên đánh giá chất lượng công tác của đội ngũ chuyên viên, nhân viên làm kênh tham khảo để đánh giá chất lượng đội ngũ chuyên viên, nhân viên; rà soát lại công cụ khảo sát, cần có câu hỏi thể hiện tính đặc trưng theo vị trí việc làm cũng như sự hài lòng về kết quả thi đua khen thưởng để thu nhận được ý kiến phản hồi nhằm cải tiến công tác thi đua khen thưởng và hoạt động đánh giá năng lực theo bộ chỉ số KPIs.

8. Thường xuyên có các hoạt động khảo sát thu thập thông tin đa dạng các nguồn khác nhau; phân tích/dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động của ngành đào tạo để có chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp; nên tiến hành so sánh, phân tích chất lượng học tập của người học theo các phương thức tuyển sinh để có cơ sở đánh giá khoa học điểm phù hợp/chưa phù hợp giữa các phương thức, tổ hợp môn xét tuyển từ đó lựa chọn đưa ra được tiêu chí tuyển sinh phù hợp với đặc thù đào tạo của ngành để ổn định số lượng tuyển sinh hằng năm; cần định kỳ tổng kết, báo cáo đánh giá hiệu quả các hoạt động: tư vấn học tập, ngoại khóa, tìm kiếm việc làm; cần có nhiều trải nghiệm hơn tại các cơ sở như tại các bệnh viện, trường học, trung tâm Giáo dục... để cùng chia sẻ, kết nối; cần khảo sát đa dạng các bên liên quan, nội dung cụ thể hơn về hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm; môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

9. Rà soát, bố trí đủ diện tích làm việc cho cán bộ, giảng viên theo tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng 10m²/giảng viên quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT; chỗ làm việc riêng biệt cho $\geq 70\%$ giảng viên quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến giảng viên về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất; rà soát, có kế hoạch bổ sung, cập nhật nguồn học liệu phục vụ học tập và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học và Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT quy định biên soạn, lựa chọn thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học; đầu tư mới/nâng cấp/cải tạo thiết bị phòng đọc, phòng kho để nâng cao hiệu quả khai thác thư viện; cần mở rộng đối tượng khảo sát về cơ đến giảng viên và các bên liên quan khác; phân tích, bóc tách số liệu theo từng ngành đào tạo để xác định đúng trọng tâm cần ưu tiên đầu tư, cải tiến; nghiên cứu đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp, tích hợp các phần mềm thành một hệ thống quản lý thống nhất; sớm phê duyệt và triển khai Đề án Chuyển đổi số; đa dạng đối tượng lấy ý kiến về hệ thống công nghệ thông tin như cán bộ, giảng viên, nhân viên có được những ý kiến đánh giá toàn diện, đa chiều; xây dựng quy định các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn có quan tâm đến người khuyết tật; cải tạo, nâng cấp khu vực nhà vệ sinh ở các tòa nhà giảng đường; đầu tư/cải tạo/nâng cấp cơ sở vật chất, cần lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Khảo sát các bên liên quan ngoài trường nên thu thập thêm thông tin về nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm phù hợp với trình độ đào tạo làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CTĐT, chương trình dạy học; khi rà soát, điều chỉnh CTĐT nên tham khảo ý kiến các chuyên gia cùng chuyên ngành ở các trường khác, các chuyên gia về quản lý giáo dục, về đảm bảo chất lượng ... có kinh nghiệm về xây dựng CTĐT để góp ý; lấy ý kiến giảng viên đánh giá về cơ sở vật chất và các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ của Trường làm cơ sở để cải tiến; lấy ý kiến người học đánh giá từng học phần làm cơ sở để cải tiến đề cương học phần; triển khai hoạt động rà soát đánh giá quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học đồng bộ với hoạt động rà soát CTĐT và cần lưu giữ minh chứng cụ thể; cần có chính sách hỗ trợ, động viên đội ngũ giảng viên có nhiều công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu về chuyên môn hơn nữa; cần có kế hoạch cải tiến tổng thể sau hoạt động khảo sát các bên liên quan và có giám sát, đánh giá hiệu quả của hoạt động cải tiến.

11. Mở rộng hoạt động đối sánh ra bên ngoài bằng cách thiết lập mạng lưới hợp tác với các trường đại học đào tạo ngành GDTH trong nước và quốc tế để trao đổi, so sánh dữ liệu về tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm và hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, đồng thời tham khảo các báo cáo thống kê của Bộ GDĐT hoặc các tổ chức nghề nghiệp để xác định vị thế của chương trình; phát triển mô hình phân tích đa chiều và ứng dụng các phần mềm phân tích dữ liệu chuyên dụng, các công cụ thống kê nâng cao như phân tích nhân tố, phân tích tương quan để nhận diện các yếu tố nguy cơ dẫn đến thôi học, chậm tốt nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm tự động dựa trên các chỉ số như kết quả học tập,

tình trạng nợ học phần, tiến độ hoàn thành luận văn và các điều kiện tốt nghiệp khác; xây dựng các chương trình khuyến khích và hỗ trợ tài chính hấp dẫn hơn, tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm, tích hợp hoạt động nghiên cứu khoa học vào các học phần chuyên ngành, và đa dạng hóa hình thức nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng gắn với các trường tiểu học; xây dựng chương trình theo dõi sự nghiệp của cựu sinh viên trong 3-5 năm sau tốt nghiệp, và mở rộng mạng lưới đối tác với các Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường tiểu học công lập và tư thục; tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị bằng cách xây dựng quy trình phối hợp chặt chẽ, tổ chức các cuộc họp định kỳ để đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ, và thiết lập các chỉ số KPI cụ thể cho từng lĩnh vực; xây dựng ma trận hành động cụ thể từ kết quả khảo sát với mục tiêu - giải pháp - đơn vị phụ trách - thời hạn - chỉ số đánh giá, đồng thời đa dạng hóa phương pháp khảo sát bằng cách bổ sung các phương pháp định tính như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tập trung để thu thập thông tin chi tiết và sâu sắc hơn phục vụ cho việc cải tiến chất lượng toàn diện và bền vững.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.